

VĂN HÓA NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Thúy Diễm¹

COGNITIVE CULTURE OF NATURAL ENVIRONMENT THROUGH GEOGRAPHICAL NAMES IN CAN THO CITY

Nguyen Thuy Diem¹

Tóm tắt – Việc mở rộng công cuộc khẩn hoang về phía Nam và các hoạt động sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng từ thế kỉ XVII đã cơ bản làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên ở vùng đất này, đồng thời tác động mạnh mẽ đến nhận thức của người dân địa phương trên nhiều phương diện và được thể hiện khá rõ nét qua địa danh ở Cần Thơ. Văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ phần nào được phản ánh qua các địa danh liên quan đến kinh nghiệm tích lũy được về môi trường sông nước, hệ thống động thực vật trên cạn và lựa chọn nơi cư trú của người dân địa phương. Trên cơ sở vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa, lí thuyết vùng văn hóa, đặc biệt là dựa trên đặc điểm tự nhiên của vùng đất Cần Thơ, bài viết tập trung tìm hiểu những biểu hiện của thành tố văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh, qua đó góp phần khẳng định những tri thức bản địa của con người nơi đây.

Từ khóa: Cần Thơ, địa danh, môi trường tự nhiên, văn hóa nhận thức.

Abstract – The expansion of reclamation work to the South and agricultural production activities in the Southwest region in general and Can Tho in particular since the 17th century has fundamentally changed the natural landscape

in this land, and also this has had a strong impact on the perception of local people in many ways which are quite clearly shown through the geographical names in Can Tho. The cognitive culture about the natural environment through geographical names in Can Tho City is partly reflected in the geographical names that related to accumulated experiences of local people about the river environment, terrestrial flora and fauna system, and residence selection. Based on the application of the theory of cultural linguistics, the theory of cultural regions, especially the natural characteristics of Can Tho, the article focuses on understanding the manifestations of cognitive cultural elements about the natural environment through geographical names, thereby contributing to affirming the indigenous knowledge of the people of this region.

Keywords: Can Tho, cognitive culture, geographical names, natural environmen.

I. GIỚI THIỆU

Con người tồn tại và phát triển trong môi trường tự nhiên. Vì thế, mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên chính là một mặt cơ bản của đời sống văn hóa. Đây là mối quan hệ nhiều chiều, vừa thích nghi với những điều kiện sống mà tự nhiên áp đặt vừa biến đổi tự nhiên bằng kĩ thuật, kinh nghiệm để buộc tự nhiên phục vụ lại con người, từ đó hình thành nên một lối sống, nguyên tắc ứng xử và thái độ nhận thức phù hợp của con người với điều kiện tự nhiên bao quanh họ. Mối quan hệ này phần nào được thể hiện qua những địa danh mà con người đặt

¹Trường Đại học Tây Đô

Ngày nhận bài: 18/4/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 01/06/2021; Ngày chấp nhận đăng: 20/06/2021

Email: nguyenthuydiem8@gmail.com

¹Tay Do University

Received date: 18th April 2021; Revised date: 01st June 2021; Accepted date: 20th June 2021

ra từ những ngày đầu đặt chân đến một vùng đất nào đó.

Để có thể thích nghi, khai thác những ưu đãi và đương đầu với những khó khăn, thử thách mà thiên nhiên mang lại, con người Tây Nam Bộ nói chung, người Cần Thơ nói riêng buộc phải có một kho tàng kinh nghiệm và một lượng tri thức nhất định về không gian văn hóa mà họ đang tồn tại, từ đó, văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên là một trong những nhu cầu thiết yếu và sống còn của cư dân nơi đây, đặc biệt thể hiện khá rõ qua địa danh tồn tại ở thành phố Cần Thơ.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Về cơ sở lí luận, một số công trình tiêu biểu của Trần Quốc Vượng [1], Nguyễn San – Phan Đăng [2], Trần Ngọc Thêm [3], [4] đã khái quát về môi trường tự nhiên trên cơ sở phân biệt với môi trường xã hội, đưa ra hệ thống các tiểu hệ của văn hóa, bao gồm văn hóa nhận thức – văn hóa tổ chức – văn hóa ứng xử. Trong đó, các thành tố của văn hóa nhận thức cũng được đề cập một cách chi tiết.

Về địa bàn nghiên cứu, có thể kể đến các công trình thuộc tiểu loại địa chí, biên khảo của Sơn Nam [5] - [7], Tỉnh ủy – Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ [8], Đảng bộ huyện Phong Điền [9], Nhâm Hùng [10] - [12] có đề cập đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, sự kiện lịch sử nổi bật, đặc biệt các tác giả đã mô tả khá chi tiết về cảnh quan và nét sinh hoạt của người dân Cần Thơ qua các thời kì. Dù hầu như chưa lí giải nguồn gốc tên gọi các địa danh ở Cần Thơ nhưng đây là những tiền đề rất hữu ích cho tác giả trong việc tìm hiểu đề tài từ lí thuyết vùng văn hóa.

Đáng chú ý là các công trình viết về địa danh của Lê Trung Hoa [13]-[15] đã nghiên cứu và lí giải về địa danh một cách khoa học và có hệ thống, trong đó có đề cập đến một số địa danh ở Cần Thơ như Cần Thơ, Cái Răng, Ô Môn, Cái Da, Bùng Binh,... Huỳnh Minh [16] cũng lí giải địa danh ở Cần Thơ dựa trên các truyền thuyết. Đặc biệt, công trình của tác giả Nhâm Hùng [17] nghiên cứu khá kĩ lưỡng và chi tiết về địa danh ở Cần Thơ, tập hợp khá nhiều thông tin, lí giải khá thuyết phục về nguồn gốc, ý nghĩa của nhiều địa danh thuộc cả 09 quận, huyện của Cần Thơ, bao gồm cả địa danh dân gian. Đây là tư liệu hiếm

hoi được biên soạn khá công phu và chuyên biệt về địa danh ở Cần Thơ trên bình diện ngôn ngữ học, tuy nhiên có đôi chỗ còn sơ sài, chủ quan, thiếu cơ sở khoa học, tuy nhiên, nó cũng giúp ích cho người viết khi tiếp cận địa danh ở Cần Thơ từ lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa.

Nhìn chung, những công trình vừa nêu chỉ thiên về lịch sử hình thành, đặc điểm tự nhiên, văn hóa – xã hội, con người của Cần Thơ qua các thời kì lịch sử hoặc tiếp cận các địa danh dưới góc nhìn ngôn ngữ học. Tuy nhiên, chúng vẫn rất hữu ích và thiết thực giúp người viết có cơ sở vững chắc khi tìm hiểu văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ từ lí thuyết ngôn ngữ học và vùng văn hóa một cách toàn diện, có hệ thống.

Lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa: Đây là khuynh hướng nghiên cứu khá phổ biến và đã hình thành trong giới ngôn ngữ học từ những năm cuối thế kỉ XX. Công trình của Trần Ngọc Thêm [18] đã khái quát về khuynh hướng nghiên cứu này trên thế giới qua ba thời kì: Thời kì của Wilhelm von Humboldt (cuối thế kỉ XIX) với luận điểm nổi tiếng về tính thống nhất của ngôn ngữ và linh hồn dân tộc. Thời kì những năm 30 thế kỉ XX của Edward Sapir và Sapir và B. Whorf với luận điểm về áp lực của cách chia cắt hiện thực đặc thù của mỗi ngôn ngữ đối với những người nói bằng ngôn ngữ ấy. Thời kì những năm 50 thế kỉ XX của Claude Lévi-Strauss, người đã vận dụng khá thành công phương pháp cấu trúc của ngôn ngữ học đương thời để nghiên cứu mối liên hệ giữa quan hệ họ hàng và ngôn ngữ. Tác giả nhấn mạnh, hiện nay, ‘chúng ta đang bước vào thời kì thứ tư, khi mà sự quan tâm đến văn hóa nói chung và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa nói riêng đang được hồi sinh...’ [18].

Khuynh hướng nghiên cứu này từ lúc ra đời cho đến nay đã hình thành nên một phân ngành khoa học ngôn ngữ văn hóa. Một số nhà nghiên cứu tiêu biểu như Trần Trí Dõi, Nguyễn Đức Tồn, Lê Trung Hoa, Lí Tùng Hiều, Nguyễn Tài Căn... Có thể nói, những nhà nghiên cứu theo lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị để giải mã ngôn ngữ từ góc độ văn hóa, đưa ra những đặc trưng văn hóa nổi bật khi được nghiên cứu qua ngôn ngữ. Nhìn chung, việc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và địa danh nói riêng cùng mối quan hệ của chúng với văn hóa

đã được quan tâm từ rất sớm và đạt được một số thành tựu nhất định.

Lí thuyết vùng văn hóa: Lí thuyết vùng văn hóa của nhân chủng học Mĩ được hình thành vào những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX với đại diện đầu tiên của trường phái này là C.L. Wisler và A.L. Kroeber trên cơ sở chống lại thuyết tiến hóa (tiêu biểu là L. Morgan và E.B. Taylor), vùng văn hóa và khuếch tán văn hóa (người khởi xướng là F.Graeber và W. Schmidt). Năm 1955, các nhà dân tộc học Xô Viết, trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử, đã tiếp tục có những bước tiến mới trong lĩnh vực nghiên cứu quan trọng này. Thành tựu nổi bật là họ đã phân chia các vùng văn hóa – lịch sử, các loại hình kinh tế – văn hóa và thể hiện chúng lên bản đồ thế giới [19, tr.28-35].

Ở Việt Nam, Ngô Đức Thịnh đã phân chia văn hóa thành bốn dạng thức: văn hóa cá nhân, văn hóa cộng đồng, văn hóa lãnh thổ và văn hóa sinh thái. Trong đó, ông cho rằng:

‘Văn hóa lãnh thổ hay văn hóa vùng là một dạng thức văn hóa, mà ở đó trong một không gian địa lí xác định, các cộng đồng người do cùng sống trong một môi trường tự nhiên nhất định, trong những điều kiện phát triển xã hội tương đồng, và nhất là các mối quan hệ giao lưu văn hóa sống động, nên trong quá trình lịch sử lâu dài đã hình thành những đặc trưng văn hóa chung’ [19, tr.11].

Nói cách khác, văn hóa vùng là một dạng thức liên văn hóa, đòi hỏi phải phân bố trên một không gian địa lí lãnh thổ nhất định. Khi vận dụng lí thuyết vùng văn hóa vào việc nghiên cứu địa danh, người viết sẽ tiến hành ‘phân tích nhân tố môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội và lịch sử giao lưu văn hóa để hình thành các vùng văn hóa, quy luật hình thành và biến đổi của các vùng văn hóa trong tiến trình lịch sử; vai trò và tác động qua lại giữa trung tâm và ngoại vi trong quá trình hình thành các vùng văn hóa, việc vạch ra các đường ranh giới mang tính chất tương đối giữa các vùng’ [19, tr.60].

Với đề tài Văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên qua địa danh ở thành phố Cần Thơ, người viết sẽ kết hợp hai lí thuyết này để tìm hiểu nguồn gốc tên gọi của địa danh trên cơ sở các thành tố của văn hóa nhận thức (lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa); đồng thời, chúng tôi chỉ ra mối liên hệ

của môi trường tự nhiên với việc đặt địa danh và những tri thức mà người dân Cần Thơ tích lũy được qua quá trình chung sống với vùng đất mới (lí thuyết vùng văn hóa).

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Qua khảo sát điền dã, phỏng vấn kết hợp với số liệu thống kê từ các sổ, ban, ngành địa phương cung cấp, người viết phân loại, tổng hợp được khoảng 666 địa danh thể hiện văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên ở thành phố Cần Thơ như Bảng 1.

Thuật ngữ môi trường tự nhiên thường được đặt trong mối tương quan với môi trường nhân tạo hoặc môi trường xã hội. Nói về khái niệm môi trường tự nhiên, Trần Quốc Vượng cho rằng: ‘Môi trường tự nhiên là một bộ phận trong “môi trường lớn”, là tổng thể các nhân tố tự nhiên xung quanh chúng ta như bầu khí quyển, nước, thực vật, động vật, thổ nhưỡng, nham thạch, khoáng sản, bức xạ mặt trời’ [1, tr.27].

Trần Ngọc Thêm cho rằng: ‘Trong quá trình tồn tại và phát triển, cộng đồng người – chủ thể văn hóa đó luôn có nhu cầu tìm hiểu, và do vậy đã tích lũy được một kho tàng kinh nghiệm và tri thức phong phú về vũ trụ và bản thân con người – đó là hai vi hệ của tiểu hệ văn hóa nhận thức’ [4, tr.136]. Theo tác giả, trong lịch sử tương tác với môi trường tự nhiên, người dân vùng Tây Nam Bộ đã ‘vừa vận dụng tri thức vốn có của mình để tận dụng và đối phó với môi trường, lại vừa tích lũy được nhiều tri thức mới trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm trong quá trình tương tác, tận dụng và đối phó đó’ [4, tr.138]. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi thống nhất với quan niệm của Trần Ngọc Thêm về văn hóa nhận thức về môi trường tự nhiên.

A. Văn hóa nhận thức về môi trường sông nước qua địa danh ở thành phố Cần Thơ

Văn hóa nhận thức về hệ thống sông ngòi, kênh rạch qua địa danh ở thành phố Cần Thơ

Qua khảo sát thực địa kết hợp với phân tích số liệu thống kê của thành phố Cần Thơ, người viết ghi nhận được khoảng 295 địa danh gắn liền với những dòng chảy như kênh, rạch, sông, tấc, vàm, góp phần minh chứng cho một mạng lưới đường thủy dày đặc ở vùng đất Trần Giang xưa, Cần

Thơ ngày nay. Cần Thơ là thủ phủ của Tây Nam Bộ từ thời Pháp thuộc nằm bên hữu ngạn sông Hậu, thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, được mệnh danh là đô thị miền sông nước với hệ thống sông rạch dày đặc, nổi tiếng với nhiều vườn cây ăn trái nằm dọc theo tuyến Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền và quy mô rộng lớn đến rạch Bình Thủy; chợ nổi Cái Răng cũng là nơi thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Từ lúc mới được khai phá, vùng đất Trần Giang – Cần Thơ đã nằm toàn bộ trên đất có nguồn gốc phù sa sông Mekong bồi đắp và được bồi lắng thường xuyên qua nguồn nước có phù sa của dòng sông Hậu².

Địa danh sông Cần Thơ³ đã xuất hiện từ thời Nguyễn, có giai thoại cho rằng chính Nguyễn Ánh đã đặt tên cho con sông này là Cầm Thi giang (nghĩa là dòng sông có thi ca, đàn hát). Truyền thuyết kể rằng, trong lúc bôn tẩu quân Tây Sơn để mưu đồ phục quốc, có lần Nguyễn Ánh ngự trên một chiếc thuyền đi ngang một khúc sông Hậu, một vàm sông thuộc địa phận huyện Phong Phú, ngài bỗng nghe văng vẳng có tiếng ngâm thơ, đàn hát đối đáp nhau rất nhịp nhàng giữa đêm vắng. Cảm khái trước khung cảnh hữu tình trên bước đường lưu lạc, ông ban cho con sông này một cái tên mới là “Cầm Thi giang”, người dân dần dần đọc trại thành Cần Thơ [20, tr.74]. Có thể thấy, sông Cần Thơ với các nhánh sông lớn rẽ về các ngã đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển giao thông đường thủy và kinh tế nông nghiệp. Ngoài ra, địa danh vùng Cần Thơ (hoặc xứ Cần Thơ) cũng được dùng để chỉ vùng rạch Cần Thơ và Ô Môn phía sát bờ Hậu Giang⁴.

Giữa đoạn Hậu Giang và lưu vực sông Cần Thơ là cả trăm kinh rạch lớn nhỏ thông qua các rạch: Cái Da, Cái Nai, Cái Răng, Ba Láng. Một phía khác, các rạch Cái Sơn, Trà Niêng, Cầu Nhiêm

vô sâu kết nối cả rạch Bình Thủy, Trà Nóc, Tắc Ông Thục đổ ra sông Hậu ở Ô Môn. Nhận thức được điều kiện tự nhiên sông nước phong phú, thuận lợi, mang đến nhiều tiềm năng kinh tế, cư dân địa phương đã phát triển nghề nông trồng lúa, khai thác nguồn lợi thủy sản, ổn định đời sống mưu sinh.

Sau khi hoàn tất công cuộc khai hoang nhờ công của Mạc Thiên Tứ, vùng đất Trần Giang – Cần Thơ chủ yếu vẫn là rừng rậm, giao thông đường bộ gặp nhiều trở ngại vì có nhiều đầm lầy, cỏ dại, thậm chí thú dữ.

Văn hóa nhận thức về giao thông đường thủy

Dựa trên kết quả khảo sát điền dã kết hợp phân tích số liệu, có khoảng 29 địa danh liên quan đến văn hóa nhận thức về giao thông đường thủy của người dân đất Cần Thơ. Đối với những người dân sống ven sông rạch, cù lao, bưng, bầu, tắt ngọn... họ thường tậu một chiếc ghe, xuồng nhỏ để tiện việc đi lại, mua bán, sinh hoạt hoặc phòng khi có việc gấp, đau ốm bệnh tật bất thường có phương tiện mà chuyên chở kịp thời. Hơn nữa, độ dốc của chúng thấp nên trừ những tháng mùa mưa nước đổ mạnh thì hầu như nước chảy êm xuôi quanh năm, thuận tiện cho việc đi lại bằng ghe xuồng. Vì thế, nhận thức được quy luật vận động của con nước trở thành nhu cầu bức thiết và vô cùng quan trọng với người dân địa phương để có thể tổ chức đời sống cá nhân một cách hiệu quả và phục vụ sản xuất.

Việc lưu thông đường thủy cũng như sinh hoạt của người dân Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Trần Giang – Cần Thơ nói riêng chịu ảnh hưởng nhiều bởi chu kỳ lên xuống của thủy triều. Có những vàm rạch nước sâu nhưng mặt nước yên bình, không có sóng to gió lớn (rạch Bình Thủy (quận Bình Thủy)). Giai thoại kể rằng, đến đời Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý 1852), quan Tuần phủ Huỳnh Mãn Đạt ngồi thuyền đi tuần thú, đến cồn Linh thì đã gặp phải bão lớn. Quan Tuần thấy một ngọn rạch có chỗ nước yên lặng cho thuyền núp gió an toàn, khen thầm địa thế như rồng nằm nên đặt tên là Bình Thủy [16, tr.145]. Từ đó, nhiều địa danh trên địa bàn cũng mang tên Bình Thủy như quận Bình Thủy, chợ Bình Thủy, cầu Bình Thủy... ‘Ồ làng Bình Thủy, như tên gọi của nó, sông nước hiền hòa và phẳng lặng hơn; do vậy mà dân đến lập nghiệp sớm,

²Sông Hậu còn có tên gọi khác là sông Bassac (Tonlé Bassac, Ba Thắc), một nhánh của sông Mekong, có chiều dài khoảng 220 – 250 km, đoạn chảy qua đất Cần Thơ khoảng 65 km.

³Âm gốc Khmer là Kìn Tho, nghĩa là “cá sặc rần” (Bùi Đức Tịnh), cũng gọi là cá lò tho vì trong lòng rạch có nhiều cá này, có khi đọc trại ra dù tho, di tho (dẫn theo Lê Trung Hoa) [15].

⁴Có ý kiến cho rằng có thể địa danh dân gian xứ Cần Thơ có trước địa danh hành chính đạo Trần Giang bởi vùng đất này đã có dân cư sống rải rác trước khi Mạc Thiên Tứ đặt chân qua phía Đông.

nhanh chóng phát triển và trở thành nơi đất gộc của người dân Cần Thơ mà thế hệ sau này tự hào về nó' [8, tr. 30].

Tuy nhiên, vùng này từ xưa cũng có một số đầu vàm, ngã ba, ngã tư lại có hiện tượng nước xoáy dễ gây nguy hiểm cho ghe xuồng qua lại. Vì thế, kinh nghiệm lưu thông trên sông rạch mang ý nghĩa sống còn. Địa danh vàm Nước Vắn, cầu Nước Vắn, ngã ba Nước Vắn, rạch Bùng Bình, cầu Bùng Bình (quận Cái Răng) lưu dấu nhận thức về môi trường sông nước của người dân đất Trần Giang. Ngã ba Nước Vắn là ngã sông phía trước đình Thường Thạnh (đình Thường Thạnh còn có tên là đình Nước Vắn [10, tr.109]), đã tồn tại hàng trăm năm qua. Tại đây lúc nước ròng nước chảy rất xiết, xoáy (vắn) tròn khiến ghe xuồng đi ngang dễ bị chìm. Bùng bình theo Huỳnh Tịnh Của nghĩa là 'chỗ phình rộng giữa sông rạch, có nơi có cù lao ở giữa, ghe thuyền có thể trở đầu' (Dẫn theo Lê Trung Hoa) [15, tr.101]. Xưa kia, ngay đầu vàm là một khúc sông rộng lớn. Để tránh nguy hiểm khi qua lại nơi đây, ghe tàu thường phải đi chậm cho an toàn hoặc để quay đầu trở lại hướng Cần Thơ hoặc xuồng Sóc Trăng nên người dân gọi là rạch Bùng Bình⁵. Ngoài ra, độ sâu của sông rạch cũng được cư dân sở tại ghi nhận qua các địa danh: sông Cái Sâu, cầu Cái Sâu (quận Cái Răng), rạch Xẻo Sâu, cầu Rạch Sâu Nhỏ (huyện Phong Điền)...

Khi lưu dân vùng Ngũ Quảng vượt biển Đông đến vùng đất mới phương Nam, chiếc ghe bầu chạy buồm không còn thích hợp. Người xưa đã tạo ra loại ghe xuồng nhỏ để dễ vào rừng sâu, len lỏi theo kinh rạch để khai thác sản vật. Nhu cầu giao thông trên địa hình mới đòi hỏi phải có quy ước và thống nhất nhau khi di chuyển. Khi giao thông trên kinh rạch cũng xảy ra nhiều sự cố nguy hiểm, ngoài việc sử dụng kinh nghiệm để ứng phó, con người cũng đặt ra những quy luật để đi lại được thuận tiện, tránh tổn thất, tranh chấp. Đương thời, Tham mưu Nghi Biểu giữ chức điều khiển dinh đồn từng ra quy định khi giao thông trên đường thủy như sau: 'Phàm thuyền đi không kể là chiều gió dòng nước thuận hay nghịch, hãy đến gần nhau đều cùng hô lên "bát" (tục gọi đi sang bên tả mình là "cậy", đi sang bên hữu là

"bát"), thì thuyền của ta đi sang bên hữu, thuyền của người kia cũng đi về bên hữu, theo thuận mà lái... muốn tránh nhau thì người lái cứ hô "bát"... Còn như khi có hô "Cậy" là khi nào thuyền về bến đỗ, gặp gió mắc cạn, có sự cố gì mới cho hô như thế' [21, tr.148-149].

Như vậy, Bát⁶ – Cậy (Cậy) chính là tập quán đi ghe thuyền trên sông rạch từ thời vua Gia Long. Nhiều địa danh ở Cần Thơ vẫn ghi lại quy định này như rạch Ngã Bát, cầu Ngã Bát (quận Cái Răng), rạch Ngã Bát, cầu Ngã Bát, đường Ngã Bát, rạch Ngã Cậy, cầu Ngã Cậy (quận Ô Môn) ... Đến nay, người dân vẫn còn truyền nhau câu ca dao:

'Em đi bên bát phải thẳng hướng chèo
Anh quẹo bên trái, cạy xeo mũi xuồng'

Văn hóa nhận thức về lưu lượng phù sa

Qua điều tra điền dã kết hợp phân tích số liệu thống kê, chúng tôi ghi nhận được khoảng 80 địa danh liên quan đến thành tố văn hóa này. Vùng đồng bằng châu thổ nói chung và vùng Trần Giang – Cần Thơ nói riêng 'được phủ lên một mạng lưới sông rạch và kênh đào dày đặc, chằng chịt, rất phong phú và phức tạp về mặt thủy tính' [22, tr.25]. Đây là điều kiện tự nhiên vô cùng thích hợp để phát triển một loại hình kinh tế nông nghiệp mới: làm vườn. Không những thế, hệ thống kinh rạch, sông ngòi chằng chịt ở Cần Thơ còn được ưu đãi bởi lượng phù sa của sông Hậu bồi đắp. Địa danh miệt vườn cũng được hình thành từ đó.

Theo Sơn Nam, sông Cửu Long có lưu lượng rất mạnh, bằng sức nước sông Nil (Ai Cập). Về mùa khô, lưu lượng sông Cửu Long chỉ độ 60.000 thước khối mỗi giây, chứa độ 5/10.000 trọng lượng phù sa (mỗi thước khối nước có khoảng nửa kí lô phù sa). Về mùa mưa, lưu lượng lên gấp đôi, 120.000 thước khối mỗi giây, chuyên chở độ 15/10.000 trọng lượng phù sa. [7, tr.251].

Nằm ở trung tâm bồi tụ phù sa nhiều năm của sông Cửu Long, đất đai ở vùng đất Cần Thơ ngày càng màu mỡ và nước ngọt quanh năm. Nhận thức rất rõ điều kiện tự nhiên ở Cần Thơ là nơi 'sông sâu nước chảy', đất nạc, phù sa bồi lắng, người dân Cần Thơ, đặc biệt là người Phong Điền – Bình Thủy phát triển nghề làm vườn theo kĩ

⁵Đầu thế kỉ XX, từ bùng bình mới được dùng để chỉ nơi giao lộ trong thành phố [15].

⁶Còn gọi là "quát" để dễ nghe và âm vang xa hơn (Sơn Nam).

thuật mới, mang tính đặc thù của Đồng bằng sông Cửu Long. Tên của các loại trái cây phổ biến cũng xuất hiện trong khoảng 34 địa danh như giống Ổi, rạch Cái Chanh, chợ Cái Chanh, rạch Cam, rạch Chuối, rạch Điều, rạch Mương Dầu,... Đây là những loại cây ăn trái được trồng trên quy mô lớn thích hợp với mật độ phù sa đặc trưng của địa phương, trở thành đặc sản và được lưu lại trong địa danh nhằm ghi dấu về miệt vườn được hình thành và phát triển từ triều Nguyễn. Nhận thức về sự màu mỡ do lượng phù sa của sông Hậu mang lại đã giúp người dân miệt vườn bắt đầu thay đổi thói quen làm nông truyền thống sang làm vườn: ‘Nơi đất thấp gần ven sông, người Việt đào mương lên liếp. Đây là kỹ thuật làm vườn khá tinh vi. Giữa hai mương là liếp đất cao, mương đào càng sâu, càng rộng thì đất càng lên bồi đắp càng nhiều, nước lớn chảy vào mang phù sa theo. Phù sa lắng xuống ở lại đáy mương. Khi nước ngoài sông đã ròng thì nước trong mương rút trở ra. Chuyển vào là nước đục, chuyển ra là nước trong, mớ phù sa dưới mương được quăng lên liếp để đắp gốc cây, người làm vườn không cần mua phân bón’ [7, tr.274].

Địa danh miệt vườn dùng để chỉ một vùng chuyên canh cây ăn trái nằm ở hai bên bờ sông Cần Thơ đoạn từ Cái Răng đến Ba Se. Đây là vùng đất màu mỡ với hệ thống kinh rạch chằng chịt tạo thành hệ thống dẫn nước và giao thông đường thủy dài hàng trăm cây số len lỏi tận các khóm ấp, khu vườn, xóm rẫy. Mức độ sung túc của miệt vườn đất Cần Thơ được Sơn Nam ghi nhận: ‘... tiêu biểu cho miệt Vườn của tỉnh Cần Thơ là làng Long Tuyền ở rạch Bình Thủy, gồm 11.939 dân, làng Nhơn Ái (huyện Phong Điền) với 10.464 dân. Mỗi làng của miệt Vườn nói trên đông dân bằng dân số tỉnh lỵ Cần Thơ 10.000 người’ [7, tr.305-306].

Những người nông dân miệt vườn ngoài việc tận dụng những kinh rạch thiên nhiên còn tạo thêm các mương đào quy mô nhỏ để tưới tiêu, rửa phèn, cải tạo đất trong môi trường mới để trồng cây ăn trái ở những nơi đất trũng thấp như vùng Phong Điền, Bình Thủy. Qua quá trình điền dã, khảo sát thực địa và phân tích số liệu địa danh ở Cần Thơ, tác giả đã ghi nhận được khoảng 45 địa danh mang tên các con mương hình thành trong quá trình lên liếp, lập vườn xuất hiện: rạch

Mương Bó, rạch Mương Điều, rạch Mương Khai, cầu Mương Khai, cầu Mương Cao (Cau)... Điều này chứng tỏ kỹ thuật đào mương lên liếp làm vườn ở vùng đất này đã mang lại hiệu quả kinh tế nhất định. Mương là con kinh nhỏ được người dân đào để dẫn nước tưới tiêu. Tên mương thường đi kèm với những loại thực vật được trồng dọc theo con mương đó (Mương Điều, Mương Cao (Cau), Mương Bó) hoặc chức năng khai thông đường nước (Mương Khai). ‘Trai Nhơn Ái, gái Long Xuyên’ hay ‘Trai Hai Huyện, gái miệt Vườn’ là lời ca ngợi dành cho dân miệt vườn. Nhơn Ái là vùng Phong Điền ‘nổi danh về vườn cam vườn quýt ở rạch Cần Thơ, với nhiều nho sủ, nhứt là dân trung lưu và bình dân ăn nói lễ phép, lưu loát, biết hát biết hò nơi sông sâu nước ngọt với chiếc tam bản hai chèo hoặc bốn chèo’ [7, tr.386].

Như vậy, miệt vườn ở Cần Thơ có thể nói là nổi tiếng thời đó, hình thành từ triều Nguyễn, khi người Pháp đến, nơi đây đã mở mang trên phạm vi rộng lớn mà cái nổi nằm dọc theo tuyến Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền và phạm vi nổi dài tới rạch Bình Thủy.

Những nhận thức của người dân đất Tây Đô về môi trường sông nước, đặc biệt là lượng phù sa màu mỡ mà sông Hậu mang lại đã góp phần hình thành một phương thức sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp, thể hiện rõ văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên.

VỀ VĂN HÓA NHẬN THỨC VỀ ĐỘNG VẬT DƯỚI NƯỚC

Môi trường sông nước với mạng lưới sông ngòi, kinh rạch dày đặc mang đến một nguồn lợi thủy sản không nhỏ cho người dân Cần Thơ. Qua quá trình khảo sát điền dã và phân loại, chúng tôi ghi nhận khoảng 35 địa danh. Từ khi mới được khai phá, thủ sở Trấn Giang – Cần Thơ đã có rất nhiều rừng rậm, cỏ lác, lau sậy mọc đầy. Khoảng 29 địa danh ghi lại những loài thủy sản có mặt trong lòng sông rạch Cần Thơ và những xóm nghề liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản. Một số địa danh khá phổ biến như rạch Dù Tho⁷, rạch Cái Hồ⁸ (quận Ô Môn),

⁷Được đọc trại ra từ kìn tho (cá sặc rần), hiện nay các sông rạch ở Cần Thơ vẫn còn nhiều cá này.

⁸Người dân địa phương cho biết, con rạch này xưa có nhiều cá hô, lâu ngày đọc trại thành Cái Hồ.

ạch Cần Thơ⁹, ạch Cá Hồ¹⁰ (quận Thốt Nốt)... Ngoài ra, nơi đây cũng từng xuất hiện con rái cá (địa danh ạch Phê¹¹ (quận Ô Môn).

Thiên nhiên sông nước tuy giàu có, mang lại nhiều lợi ích kinh tế nhưng cũng rất khắc nghiệt, tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm. Khi giao thông đường bộ còn nhiều khó khăn thì đi lại bằng xuồng ghe trên sông ạch được xem là phương thức di chuyển hữu hiệu. Tuy nhiên, nạn sấu dữ hoành hành là mối họa lớn nhất cho người dân Cần Thơ. Vùng đất Trần Giang xưa vốn nhiều sinh lầy, bãi bùn, cá sấu dễ dàng sinh sôi, phát triển. Nhiều địa danh ghi lại nỗi ám ảnh của người dân địa phương còn tồn tại đến hôm nay như lung Sấu, cầu Lung Sấu¹² (huyện Phong Điền), cầu Đầu Sấu, vàm Đầu Sấu, ngã ba Đầu Sấu¹³ (quận Ninh Kiều) ...

B. Văn hóa nhận thức về hệ thống động thực vật trên cạn

Thiên nhiên buổi đầu khai hoang khắc nghiệt, rừng rậm âm u, nhiều đầm lầy, bờ sông dày cây cỏ. Đó cũng là nơi trú ngụ của nhiều loài thú dữ, đe dọa tính mạng con người không thua gì cá sấu dưới sông ạch. Theo kết quả khảo sát, điền dã và thống kê, phân loại của chúng tôi, có khoảng 213 địa danh thể hiện sự phong phú và đa dạng của hệ thống động thực vật trên cạn ở đất Trần Giang – Cần Thơ từ thời mở đất. Thiên nhiên hoang vu, rừng rậm mọc đầy. Cỏ dại, lau sậy là nguồn thức ăn dồi dào của từng bầy nai, heo rừng, voi. Trong khi đó, nai lại trở thành mồi ngon cho cọp. Rừng xộp, rừng gừa um tùm, rậm rạp với bộ rễ đan xen chằng chịt tạo điều kiện cho cọp ẩn nấp, trú ngụ. Chính điều kiện tự nhiên đó đã tạo nên hệ thống động vật trên cạn phong phú, đa dạng ở Cần Thơ: ‘Phong Điền – Cần Thơ

khi chưa đào kinh Xáng Xà No là một vùng đất sinh lầy (...). Đây là môi trường sinh sống của các loài đỉa, vắt, muỗi mòng, ếch nhái, tôm, cá, rắn, rùa, cua đing, cần đước, các loại chim chuột, chồn đên, kể cả một số loài lớn như cá sấu, voi rừng, thỉnh thoảng có cả cọp từ miền Đông dạt xuống’ [9, tr.12].

Trong số đó, cọp, trâu rừng, voi rừng, heo rừng trở thành nỗi ám ảnh trong kí ức của con người trong buổi đầu khai hoang, lập ấp, là một trong những thách thức khắc nghiệt nhất của thiên nhiên cho công cuộc mở đất cũng như phát triển kinh tế sản xuất nông nghiệp. Đến nay, theo phân loại của chúng tôi trên số liệu được các sở, ban, ngành cung cấp kết hợp với điều tra điền dã, còn khoảng 41 địa danh ở Cần Thơ lưu dấu những động vật này như ạch Miếu Ông, cầu Miếu Ông, chợ Miếu Ông (Ông tức là Cọp) (quận Bình Thủy), ạch Rầy¹⁴, cầu ạch Rầy, đường ạch Rầy – Bà Chiểu, ạch Đường Xuông¹⁵, ạch Đường Trâu¹⁶, làng Trâu (huyện Vĩnh Thạnh), cầu Mương Trâu (huyện Cờ Đỏ), cầu Mương Trâu, đường Mương Trâu (quận Thốt Nốt), ạch Xẻo Trâu, cầu Mương Trâu Trên, cầu Mương Trâu Dưới (quận Ô Môn), đường Trâu Lớn (Nam), đường Trâu Lớn (Bắc) (huyện Vĩnh Thạnh), ạch Ông Tượng¹⁷ (quận Thốt Nốt), cầu Lung Tượng (quận Ô Môn), ạch Mương Cui¹⁸ (huyện Phong Điền) ...

Ngoài ra, đất Cần Thơ xưa còn xuất hiện nhiều nai (ạch Cái Nai, cầu Cái Nai), nhím (cầu Nhiễm, ạch Cầu Nhiễm), cần đước (hoặc càng đước) (ạch Cần Đước, ạch Càng Đước, cầu Càng Đước (huyện Phong Điền) ...

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Cần Thơ nói riêng với hệ thống rừng rậm bao

¹⁴Nơi cọp hay gằm, rông lên, người dân kiêng cũ nên gọi là ạch (Ông) Rầy.

¹⁵Vào thời khẩn hoang, đây là đường voi rừng đi uống nước lâu ngày thành ạch. Người đi lập nghiệp tiếp tục nạo vét, mở rộng để những chiếc xuồng có thể di chuyển [17, tr.330].

¹⁶Vào thời Pháp thuộc, nơi đây còn hoang hóa, voi đàn thường kéo ra con ạch chính để tắm và uống nước. Lâu ngày đường nước trũng xuống. Những năm 80 của thế kỉ trước, nông dân đi làm thủy lợi phát hiện xương voi. Để thuận tiện sản xuất nông nghiệp, con ạch voi đi ngày xưa thành con đường nước cho trâu đi chuyển [17, tr.331].

¹⁷Đường voi đi lâu ngày mà thành, dân gian coi trọng loài voi nên gọi là Ông Tượng.

¹⁸Đường đi của voi lâu ngày mà hình thành [9, tr.12].

⁹Cần Thơ gốc Khmer Kìn Tho, nghĩa là “cá sặt rần” (Bùi Đức Tịnh), cũng gọi là “cá lò tho”, vì trong lòng ạch có nhiều cá này (Dẫn theo Lê Trung Hoa) [15].

¹⁰Là loài cá có kích thước lớn nhất trong họ cá chép. Những năm 1920 – 1940, người dân thường thấy những đàn cá hồ xuất hiện nhiều ở đầu vàm.

¹¹Phê: âm gốc Khmer là Prek Phê, nghĩa là con ráy, là loại sống dưới nước, chuyên ăn cá [17, tr.170]

¹²Lung có nhiều cá sấu sinh sống.

¹³Nghĩa là “đầu cá sấu” vì người Nam Bộ xưa rất sợ cá sấu ăn thịt nên thường thờ đầu cá sấu bên sông (dẫn theo Lê Trung Hoa) [15]. Hiện nay tại đầu vàm vẫn còn ngôi chùa tên là chùa Ông Vàm Đầu Sấu.

phủ trên diện tích lớn, tàn lá rậm rạp cùng với các bãi bùn, đồng cỏ ẩm thấp là môi trường trú ngụ của nhiều loại chim cò. Sự hiện diện của các loài chim cò ở Cần Thơ được ghi nhận qua địa danh kinh Ông Cò, rạch Láng Chim, cầu Láng Chim (huyện Vĩnh Thạnh) (khởi nguồn của rạch là một vùng nước ngập, trũng, có rất nhiều loài chim, cò tụ tập), chợ Cồn Cò (quận Thốt Nốt) (nơi đây ngày xưa cồn nổi lên, cây bần mọc nhiều, đàn cò bay về trú ngụ nên dân gian gọi là cồn Cò).

Bên cạnh hệ thống động vật trên cạn phong phú, nhóm thực vật sinh sống trên đất Cần Thơ cũng rất đa dạng, nhiều chủng loại, mọc nhiều ven sông rạch, nơi trước đây vốn nhiều rừng rậm. Rừng dày bịt, um tùm, ngoài tràm, đước còn có rừng gừa, vì phần lớn là cây gừa; ngoài ra còn có cây xộp, bàng, mù u, sắn, bần... Qua khảo sát, điền dã và phân loại địa danh ở Cần Thơ, người viết thống kê được khoảng 172 địa danh thể hiện sự đa dạng và phong phú của hệ thống thực vật của địa phương, tiêu biểu như rạch Rừng, đường Rạch Rừng (quận Thốt Nốt), rạch Gừa, cầu Rạch Gừa (quận Bình Thủy), rạch Chiếc, rạch Bần, cầu Rạch Bần (quận Cái Răng)... Nhiều lung, rạch, xẻo mang tên các loại thực vật từng sống ở vùng đất Phong Điền lúc hoang sơ như rạch Nứa, rạch Bông Vang, rạch Bông Điều, lung Sen, rạch Mặt Cật, xẻo Tre, xẻo Cui, xẻo Đẻ, rạch Sung, rạch Xà No, rạch Mương Điều, rạch Vông...

Vùng đất Trấn Giang – Cần Thơ xưa là vùng nê địa, thiên nhiên giàu có, trù phú với hệ thống động thực vật đa dạng, mang đến nhiều ưu đãi nhưng cũng đặt ra cho con người không ít khó khăn, thách thức bằng những mối hiểm nguy trên bờ, dưới sông rạch, thậm chí phải trả bằng tính mạng. Đã có không ít những câu ca dao, chuyện kể nói về nỗi sợ hãi của lớp người khai hoang trước thiên nhiên hoang dã, vô cùng lạ lẫm, kì bí và đầy tai họa.

C. Văn hóa nhận thức về nơi cư trú

Mỗi vùng miền đều có những điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau, quy định hoặc có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động nhận thức của con người. Địa hình sông nước ở vùng Tây Nam Bộ nói chung, Cần Thơ nói riêng cũng không phải ngoại lệ. Từ bao đời nay, người dân địa phương đã hình thành, xây dựng và phát

triển những loại hình cư trú độc đáo phù hợp với đặc điểm tự nhiên vừa hình thành nét đặc trưng cho mỗi vùng văn hóa. Theo kết quả điều tra điền dã và phân loại địa danh của chúng tôi, có khoảng 14 địa danh thể hiện thành tố văn hóa này.

Điều kiện tự nhiên sông ngòi dày đặc, quan niệm “nhất cận thị, nhị cận giang” được người Cần Thơ đặc biệt chú trọng khi lựa chọn nơi cư trú, sao cho thuận tiện cho việc mua bán, sinh sống. Nhiều ngôi chợ được dựng cặp bờ kinh, bờ sông, thuận tiện cho việc đi lại, trao đổi mua bán bằng đường thủy, thu hút cư dân đến lập nghiệp, từ đó, làng mạc, xóm ấp cũng hình thành. Những ngôi chợ đầu tiên mà người dân tập trung đông đảo, hoạt động mua bán sầm uất bậc nhất hầu hết là lập ngay trên bờ sông, bờ kinh, đầu vàm, điển hình nhất là chợ Cần Thơ (còn gọi là chợ Hàng Dương, chợ Hàng Dừa), chợ Bình Thủy, chợ Cái Răng, chợ Ô Môn, chợ Trà Niềng đều tọa lạc bên những con sông lớn, trở thành những đầu mối giao thương quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển của Cần Thơ. Nhiều minh chứng khác qua địa danh như kinh Chợ, rạch Kênh Chợ, cầu Kênh Chợ, cầu Kênh Chợ 1, cầu Kênh Chợ 2, cầu Kênh Chợ 3, cầu Kênh Chợ 4, cầu Kênh Chợ 5 (huyện Phong Điền)... Điều này chứng tỏ rằng “nhất cận thị” vẫn là kinh nghiệm lựa chọn địa điểm cư trú được ưu tiên hàng đầu trong môi trường gắn liền với sông nước.

Có thể kể đến địa danh chợ Vàm Xáng như một điển hình. Vàm Xáng (vàm của kinh Xáng, còn gọi là ngã ba Vàm Xáng) ban đầu chỉ là nơi máy xáng khởi đào kinh Xà No bên phía Cần Thơ, cách chợ Phong Điền khoảng ba cây số. Sau khi kinh Xáng Xà No đào xong năm 1903, ‘ngã ba này trở nên tấp nập, ghe xuồng đậu để chờ con nước thuận lợi qua Rạch Giá hay ra chợ Cần Thơ. Năm 1908, hương chức làng Nhơn Ái đứng đơn xin lập chợ, gọi là chợ Vàm Xáng để thu huê lợi cho làng’ [5, tr.309]. Từ đó, ghe tàu, người tứ xứ về lập nghiệp đông đúc, ngôi chợ này ngày càng sầm uất, sung túc hơn.

Trong điều kiện giao thông đường thủy phát triển nhanh chóng nhờ mạng lưới sông rạch, kinh đào thì việc cư trú gần với các dòng chảy cũng là một ưu thế của con người, vừa đảm bảo có nước ngọt cho sinh hoạt, tưới tiêu vừa thuận tiện cho việc đi lại khi đường sá chưa được mở mang.

Hơn thế, những chỗ giáp nước thì lại càng dễ làm ăn, buôn bán: ‘Ở Tây Nam Bộ, sông nước vừa là thủy lộ cho việc đi lại, vừa là nguồn sống, cho nên nếu không kể chợ (không phải ở đâu cũng có chợ) thì “cận giang” gần như là điều kiện đầu tiên để định cư: không có sông nước kinh rạch gần như không sống được’ [4, tr.149]. Như vậy, việc cư trú nơi giáp nước cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người Cần Thơ trao đổi hàng hóa.

Những chỗ giáp nước thường có những bến bãi rộng lớn, ghe thuyền có thể dừng lại để nghỉ ngơi, hoặc mua bán, hoặc đọi con nước, gọi là “bến bạ”. Địa danh bến Ba, rạch Bến Ba, cầu Bến Ba ở Cần Thơ cũng được hình thành trên cơ sở này. Về nhà ở, một trong những nét văn hóa đặc sắc của người dân Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, Cần Thơ nói riêng là những ngôi nhà nổi san sát nhau, mọc lên giữa miền sông nước. Theo Trần Ngọc Thêm, ‘địa hình Tây Nam Bộ kinh rạch chằng chịt, không thể dựa vào lí luận phong thủy truyền thống để tổ chức văn hóa cư trú mà phải chọn mô hình mới’ [4, tr.149]. Họ không mấy chú trọng đến hướng nhà, chủ yếu là có đủ ánh sáng và thuận tiện cho việc làm ăn, mua bán là được. Xóm Nhà Bè (quận Cái Răng) và làng Cá Bè Cồn Sơn (quận Bình Thủy) là những ví dụ điển hình.

Chợ nổi Cái Răng được hình thành từ đầu thế kỉ XX trên hạ lưu sông Cần Thơ. Khi mới bắt đầu manh nha lập chợ nổi, một tài liệu báo cáo của người Pháp Cần Thơ trước năm 1899 đã từng ghi lại: ‘Người ta đặc biệt thấy có nhiều nhà bè ở hai bên rạch Cái Răng và Cần Thơ. Tất cả những ngôi nhà đó, được làm bằng tre, trên những mảng bè, là của các nhà buôn Trung Quốc và An Nam. Chúng gọi cho người ta nhớ tới các làng Mã Lai, cũng là những làng nổi mà người ta thấy ở Châu Đốc’ (dẫn theo [10, tr.66]). Những xóm Nhà Bè thời chợ nổi Cái Răng chưa hình thành là tiền thân cho địa danh xóm Nhà Bè (xóm Nhà Nổi) hiện nay tại khu vực này. Đó là xóm nhà cất trên bè nổi bằng vật liệu đơn giản của người dân chợ nổi để sinh sống và cung ứng dịch vụ xăng dầu, ăn uống... cho ghe thương hồ và nhu cầu ngắm cảnh, chụp hình... của du khách tham quan chợ nổi. Sự cộng sinh của cư dân xóm Nhà Bè cùng ghe xuồng thương hồ chính là linh hồn của chợ nổi Cái Răng.

Mô hình cư trú này còn được ghi nhận qua

địa danh làng Cá Bè Cồn Sơn thuộc phường Bùi Hữu Nghĩa quận Bình Thủy. Người dân đất Cần Thơ nói chung, cồn Sơn nói riêng đã khéo léo tận dụng môi trường nước của dòng Mekong để làm nơi cư trú và hình thành, phát triển nghề nuôi cá bè cập theo các dải đất cù lao. Làng nổi độc đáo này được hình thành khoảng hai mươi năm nay, gồm chừng 50 hộ dân sống trên các nhà bè nổi trên sông. Người dân địa phương cho biết, những căn nhà nổi nằm phía trên, dưới là các bè nuôi thủy sản, vừa là nơi sinh sống của các hộ gia đình vừa là nơi mua bán, làm du lịch¹⁹. Đây là một trong những nét văn hóa độc đáo của cư dân quanh cồn Sơn từ nhiều năm nay. Địa danh này ngày càng được nhiều người biết đến khi được tích hợp với hình thức du lịch sinh thái ở cồn Sơn.

Nơi cư trú, làm ăn mua bán của người dân Cần Thơ còn chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi văn hóa mưu sinh. Những ngư dân của xóm Lưới (quận Bình Thủy) sống bằng nghề chài lưới, giăng câu, đóng đáy... dọc theo sông Hậu chọn phương thức cư trú trên ghe để thuận tiện với nghề hạ bạc. Địa danh xóm Lưới ở làng Bình Thủy – Long Tuyền được hình thành từ những năm đầu của thời khẩn hoang cuối thế kỉ XVIII. Khu vực xóm Lưới chạy dài theo mé sông Hậu đến bên kia rạch Bình Thủy, đối diện với cồn Sơn dài tới rạch Trà Nóc, tuy nhiên, ngay từ những ngày mới hình thành, xóm Lưới đã không có nhiều nhà cửa. Chiếc ghe vừa là nhà vừa là phương tiện mưu sinh trên sông nước: ‘Thời xưa, xóm Lưới không có nhà cửa nhiều, bởi người làm nghề hạ bạc chủ yếu sống và làm nghề trên ghe. Nếu thu hoạch được cá, tôm, họ chèo ra chợ, hoặc tấp vào các vàm, rạch gần đó để bán’ [17, tr.146].

Có thể thấy, những địa danh lưu lại văn hóa nhận thức về nơi cư trú của người dân Cần Thơ không còn nhiều và nổi bật ở những mô hình gắn liền với phát triển du lịch. Theo chúng tôi, có thể do đường sá ngày càng được mở rộng, nâng cấp, phương tiện giao thông đường bộ cũng khá đa dạng nên cư dân sở tại đa số chuyển lên bờ định cư để việc đi lại được nhanh chóng hơn, đi làm, đi học cũng dễ dàng hơn. Tuy nhiên, không thể

¹⁹Theo ông L. V. Bon, chủ bè cá bẫy Bon, người gốc Cà Mau, về xứ cồn Sơn lập nghiệp với nghề nuôi cá bè từ năm 2000, là thế hệ đầu tiên đến đây định cư trên nhà nổi và cắm dèo nuôi cá.

phủ nhận rằng, kinh nghiệm lựa chọn nơi cư trú của con người nơi đây đã góp phần tạo nên nét văn hóa sông nước đặc trưng cho Cần Thơ cũng như khu vực Tây Nam Bộ.

IV. KẾT LUẬN

Qua khoảng 666 địa danh ghi nhận được bằng phương pháp khảo sát, điều tra điền dã và phân loại, tổng hợp từ số liệu địa phương cung cấp dựa trên lí thuyết ngôn ngữ học văn hóa và vùng văn hóa, có thể nói rằng, môi trường thiên nhiên ở vùng đất Cần Thơ từ thời khẩn hoang vừa chứa đựng nhiều yếu tố thuận lợi như đất đai màu mỡ, thời tiết điều hòa, sông ngòi chằng chịt nhưng nó cũng bày ra trước mắt người lưu dân không ít những chướng ngại khó thể vượt qua. Điều này tác động khá mạnh mẽ đến quá trình nhận thức của người dân sở tại về môi trường cộng sinh từ những ngày đầu khai khẩn và được lưu dấu qua những địa danh nơi họ sinh sống. Tuy nhiên, với những tri thức, kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình chung sống với những điều kiện tự nhiên đó, con người ở vùng Trấn Giang – Cần Thơ vừa đối phó được với những thách thức từ môi trường tự nhiên vừa có thể tận dụng những ưu đãi mà thiên nhiên ban tặng để tồn tại và phát triển trong hơn ba thế kỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Quốc Vượng (chủ biên). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Tái bản lần thứ 15. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2015.
- [2] Nguyễn San, Phan Đăng. *Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm; 2012.
- [3] Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh; 1996.
- [4] Trần Ngọc Thêm (chủ biên). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Tái bản lần 2. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Văn hóa – Văn nghệ; 2018.
- [5] Sơn Nam. *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2014.
- [6] Sơn Nam. *Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm và tiếp cận đồng bằng sông Cửu Long*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2015.
- [7] Sơn Nam. *Đồng bằng sông Cửu Long – Nét sinh hoạt xưa & Văn minh miệt Vườn*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2017.
- [8] Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ. *Địa chí Cần Thơ*; 2002.
- [9] Đảng bộ huyện Phong Điền. *Biên khảo lịch sử Phong Điền – Cần Thơ*; 2007.
- [10] Nhâm Hùng. *Cần Thơ phố cũ nét xưa*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2017.
- [11] Nhâm Hùng. *Cái Răng hình thành và phát triển*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Văn nghệ; 2007.
- [12] Nhâm Hùng. *Phong Điền địa linh nhân kiệt*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2013.
- [13] Lê Trung Hoa. *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và Tiếng Việt văn học*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2002.
- [14] Lê Trung Hoa. *Từ địa phương chí địa hình trong địa danh Nam Bộ*. Truy cập từ [https://tailieu.vn/doc/tu-dia-phuong-chi-dia-hinh-trong-dia-danh-nam-bo-2014553.html] [Ngày truy cập 10/11/2020]
- [15] Lê Trung Hoa. *Từ điển địa danh Nam Bộ*. Bản thảo (tác giả cung cấp); 2014.
- [16] Huỳnh Minh. *Cần Thơ xưa*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thanh niên; 1966.
- [17] Nhâm Hùng. *Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2013.
- [18] Trần Ngọc Thêm. Đi tìm ngôn ngữ của văn hóa và đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ. Trong *Việt Nam: Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa*. 1992. Truy cập từ [http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/vhh-phuong-phap-nghien-cuu/1684-tran-ngoc-them-di-tim-ngon-ngu-cua-van-hoa-va-dac-trung-van-hoa-cua-ngon-ngu.html] [Ngày truy cập 10/11/2020].
- [19] Ngô Đức Thịnh. *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2004.
- [20] Trần Văn Nam (chủ biên). *Truyện dân gian Cần Thơ*. Cần Thơ: Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ; 2019.
- [21] Trịnh Hoài Đức (Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Đào Duy Anh dịch và hiệu đính). *Gia định thành thông chí*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 1999.
- [22] Huỳnh Lứa (chủ biên). *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; 2017.